TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **203**/2018/DS-ST
Ngày: 27/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-DS ngày 5 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/201//QĐST-DS ngày 5 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Hội sở: 89 đường L, phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – sinh năm 1968

Người đại diện theo ủy quyền: 1/ Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1990

2/ Ông Nguyễn Nhật H – sinh năm 1995

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 đường Z, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền số: 5180/2017/UQ-VPB ngày 10/10/2017.

Ngày 10/01/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần V có văn bản ủy quyền số: 225/2018/ UQ-VPB thay thế cho Văn bản ủy quyền số: 5180/2017/UQ-VPB ngày 10/10/2017.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T1 – sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ : Tầng 2, số 296 đường Z, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X – sinh năm 1969

Địa chỉ : 125A, Phường F, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn X vắng mặt lần thứ hai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hồng S – sinh năm 1974

Địa chỉ : 125A, Phường F, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Hồng S vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của ông Nguyễn Nhật H là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì: Ông Nguyễn Văn X (sau đây gọi là Bị đơn) và Ngân hàng đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2986337: Ngày 2/3/2015 Bị đơn có giấy đề nghị vay vốn; Ngày 6/3/2015 Ngân hàng giải ngân 50.000.000đ; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng. Quá trình vay Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, tính đến ngày 9/8/2017 Bị đơn còn nợ gốc: 38.039.028đ; Nợ lãi: 24.630.387đ.

Hợp đồng tín dụng số 3754791: Ngày 18/6/2015 Bị đơn có giấy đề nghị vay vốn; Ngày 23/6/2015 Ngân hàng giải ngân 42.000.000đ; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng. Quá trình vay Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, tính đến ngày 9/8/2017 Bị đơn còn nợ gốc: 34.452.990đ; Nợ lãi: 19.496.085đ.

Hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 325-P-423799: Ngày 15/10/2015 Bị đơn có Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; Ngày 20/10/2015 Ngân hàng mở thẻ; Hạn mức thẻ: 16.000.000đ. Quá trình vay Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, tính đến ngày 9/8/2017 Bị đơn còn nợ gốc: 16.000.000đ; Nợ lãi: 8.326.560đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ trên, ngoài ra Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký từ ngày 10/8/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Ngân hàng cho Bị đơn vay bằng 3 hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2986337: Ngân hàng giải ngân 50.000.000đ cho Bị đơn vào ngày 6/3/2015, quá trình thực hiện hợp đồng Bị đơn đã thanh toán được 25.649.414đ, trong đó 11.960.972đ nợ gốc và 13.688.442đ tiền lãi. Từ ngày 9/3/2016 đến nay Bị đơn không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 73.737.308đ, trong đó: Nợ gốc: 38.039.028đ; Nợ lãi: 35.698.280đ.

Hợp đồng tín dụng số 3754791: Ngân hàng giải ngân 42.000.000đ cho Bị đơn vào ngày 23/6/2015, quá trình thực hiện hợp đồng Bị đơn đã thanh toán được 15.527.131đ, trong đó 7.547.010đ nợ gốc và 7.980.121đ tiền lãi. Từ ngày 23/3/2016 đến nay Bị đơn không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 62.928.977đ, trong đó: Nợ gốc: 34.452.990đ; Nợ lãi: 28.475.987đ.

Hợp đồng tín dụng thẻ quốc tế số 325-P-423799: Ngày 20/10/2015 Ngân hàng mở thẻ cho Bị đơn và cấp hạn mức thẻ là 16.000.000đ. Quá trình sử dụng thẻ Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 24.993.376đ, trong đó: Nợ gốc: 10.948.993đ; Nợ lãi: 14.044.383đ.

Đến ngày 27/3/2018, Bị đơn còn nợ Ngân hàng của 3 hợp đồng tín dụng trên là: 161.659.661đ, Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên, ngoài ra Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ‘‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ yêu cầu Bị đơn có địa chỉ tại số: 125A, Phường F, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Thanh T1 có mặt. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 6/02/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 5/3/2018 và biên bản tống

đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 8/3/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 27/3/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký có ghi vợ của Bị đơn là bà Lê Thị Hồng S nên Tòa án đưa bà Lê Thị Hồng S vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân Bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ do đó Hội đồng xét xử chỉ buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán: 73.737.308đ nợ gốc, lãi và thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 2986337 ngày 02/3/2015 của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì ngày 02/3/2015 giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Ngày 6/3/2015 Ngân hàng có Bản phê duyệt (Thông báo cho vay) nội dung: 1. Số tiền vay: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu); 2. Thời hạn vay: 36 tháng, tính kể từ ngày 6/3/2015; 3. Lãi suất cho vay trong hạn: 30.00%/năm; 4. Kỳ hạn trả nợ: chi tiết theo lịch trả nợ; 5. Các nội dung thay đổi khác so với Hợp đồng tín dụng đã ký: Không.

- Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng từ giải ngân (Thông báo cho vay) thể hiện ngày 6/3/2015 Ngân hàng đã giải ngân 50.000.000đ cho hợp đồng vay số: 2986337.

- Căn cứ Bảng kê chi tiết và sao kê tài khoản của Bị đơn do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng Bị đơn đã thanh toán được 25.649.414đ, trong đó 11.960.972đ nợ gốc và 13.688.442đ tiền lãi. Từ ngày 9/3/2016 đến nay Bị đơn không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 73.737.308đ, trong đó: Nợ gốc: 38.039.028đ; Nợ lãi: 35.698.280đ.

- Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải

thanh toán cho Ngân hàng: 73.737.308đ, trong đó: Nợ gốc: 38.039.028đ; Nợ lãi: 35.698.280đ, theo hợp đồng vay số: 2986337 mà hai bên đã ký ngày 2/3/2015.

- Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 2986337 ngày 02/3/2015 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[6] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán: 62.928.977đ nợ gốc, lãi và thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 3754791 ngày 18/6/2015 của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì ngày 18/6/2015 giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Ngày 23/6/2015 Ngân hàng có Bản phê duyệt (Thông báo cho vay) nội dung: 1. Số tiền vay: 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu); 2. Thời gian vay: 36 tháng, tính kể từ ngày 23/6/2015; 3. Lãi suất vay: 27.00%/năm; 4. Kỳ hạn trả nợ: chi tiết theo lịch trả nợ; 5. Các nội dung thay đổi khác so với Hợp đồng tín dụng đã ký: Không.

- Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng từ giải ngân (Thông báo cho vay) thể hiện ngày 23/6/2015 Ngân hàng đã giải ngân 42.000.000đ cho hợp đồng vay số: 3754791.

- Căn cứ Bảng kê chi tiết và sao kê tài khoản của Bị đơn do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng Bị đơn đã thanh toán được 15.527.131đ, trong đó 7.547.010đ nợ gốc và 7.980.121đ tiền lãi. Từ ngày 23/3/2016 đến nay Bị đơn không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 62.928.977đ, trong đó: Nợ gốc: 34.452.990đ; Nợ lãi: 28.475.987đ.

- Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải

thanh toán cho Ngân hàng: 62.928.977đ, trong đó: Nợ gốc: 34.452.990đ; Nợ lãi: 28.475.987đ, theo hợp đồng vay số: 3754791 mà hai bên đã ký ngày 18/6/2015.

- Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3754791 ngày 18/6/2015 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[7] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán: 24.993.376đ nợ gốc, lãi và thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng thẻ quốc tế số: 325-P-423799 ngày 20/10/2015 của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng quốc tế thì ngày 15/10/2015 giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Căn cứ Bảng kê chi tiết và sao kê tài khoản của Bị đơn do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ ngày 21/11/2015 đến nay Bị đơn không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, tính đến ngày 27/3/2018 Bị đơn còn nợ: 24.993.376đ, trong đó: Nợ gốc: 10.948.993đ; Nợ lãi: 14.044.383đ.

- Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng: 24.993.376đ, trong đó: Nợ gốc: 10.948.993đ; Nợ lãi: 14.044.383đ, theo hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số: 325-P-423799 mà hai bên đã ký ngày 20/10/2015.

- Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ

tín dụng quốc tế số: 3754791 ngày 18/6/2015 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[8] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[10] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu 8.082.983đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 3.523.631đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần V.

a/ Buộc ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 73.737.308đ (Bảy mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm linh tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 38.039.028đ; Nợ lãi: 35.698.280đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các

bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/3/2015.

b/ Buộc ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 62.928.977đ (Sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 34.452.990đ; Nợ lãi: 28.475.987đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 18/6/2015.

c/ Buộc ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 24.993.376đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.948.993đ; Nợ lãi: 14.044.383đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/10/2015.

2/ Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm là 8.082.983đ (Tám triệu không trăm tám mươi hai ngàn chín trăm tám mươi ba đồng) do ông Nguyễn Văn X chịu.

Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần V 3.523.631đ (Ba triệu năm trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi mốt đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006969 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị Hồng S

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hương